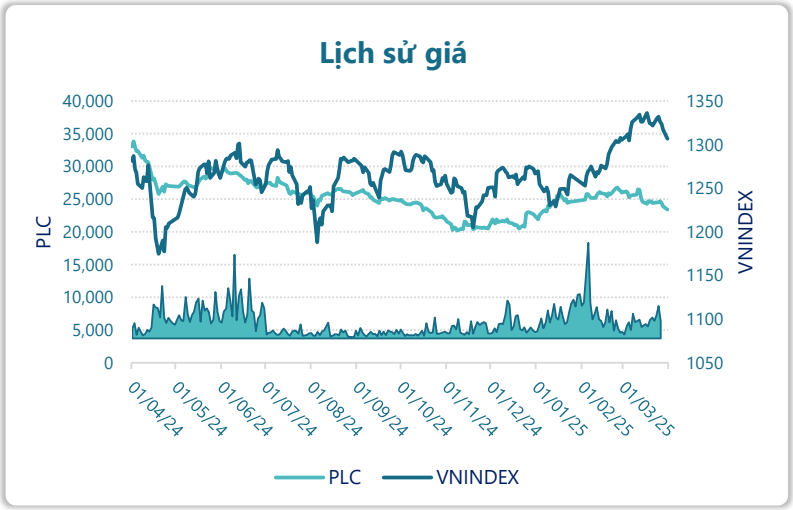
FireAnt

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,837
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,200
SL cổ phiếu LH	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	283,300
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,891
P/E	31.8
EPS	735

DT thuần

Q1/25

1,912

tỷ VNĐ

QoQ: ▼212| -10.0%

YoY: ▲ 313| 19.5%

LN sau thuế

Q1/25

31.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.2| 55.2%

YoY: ▲ 16.2| 106%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.3%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2024

6,932

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,029| -12.9%

LN sau thuế

2024

43.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼58.8| -57.6%

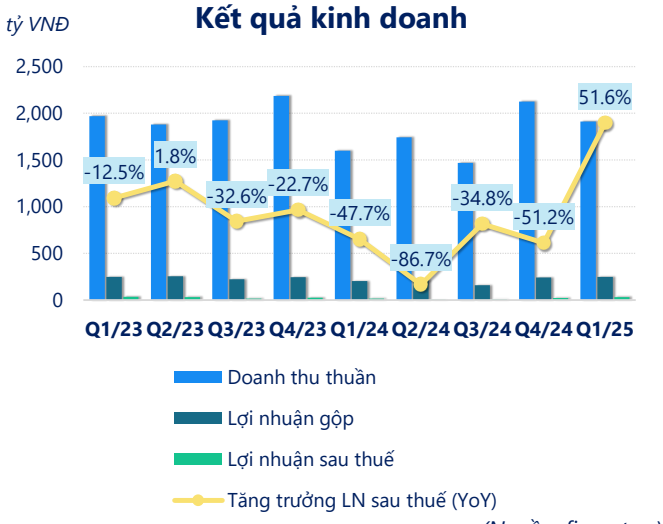
ROE

2024

3.4%

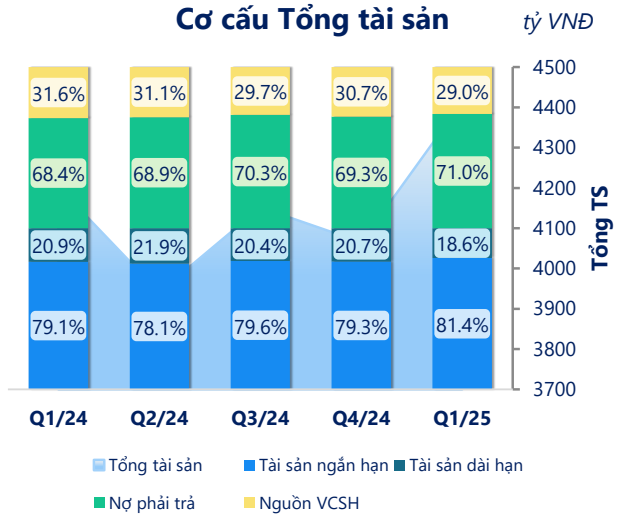
+/- YoY: ▼ 4.6%

Kết quả kinh doanh



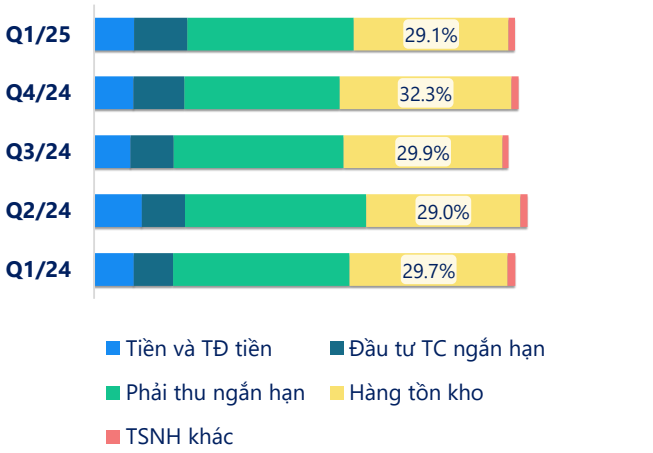
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



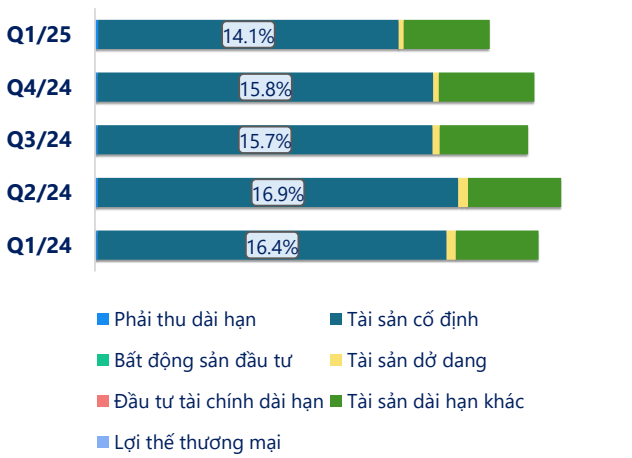
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



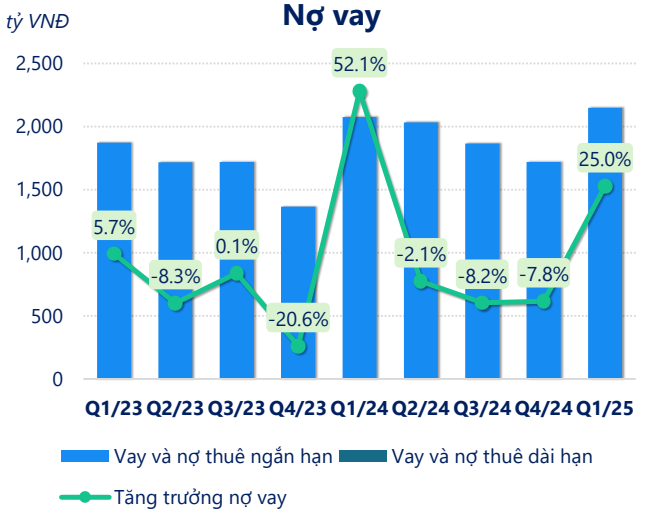
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



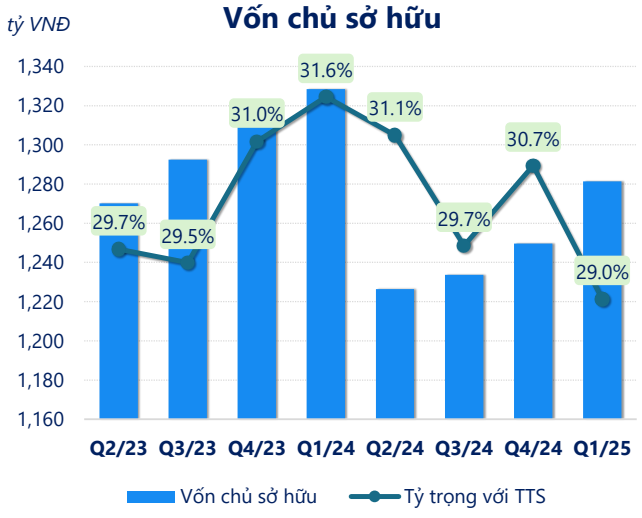
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



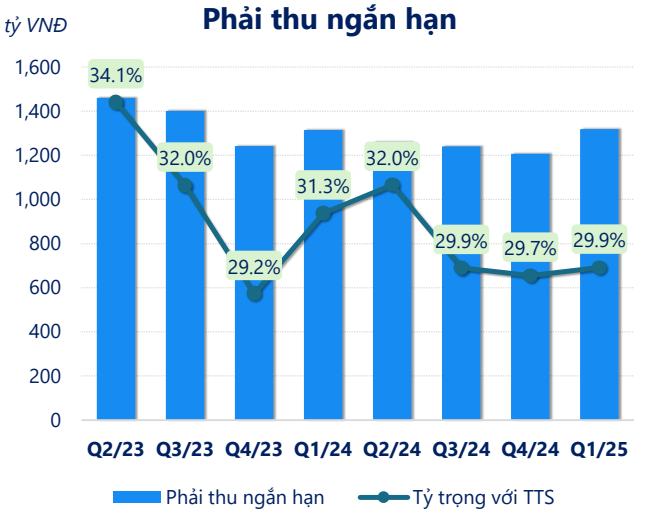
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



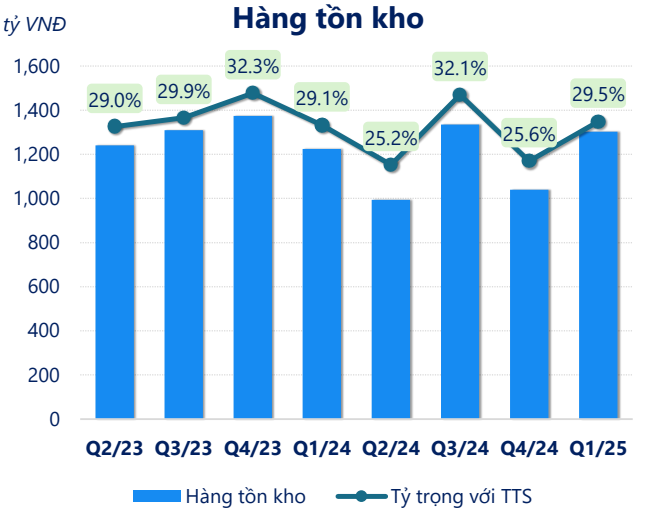
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



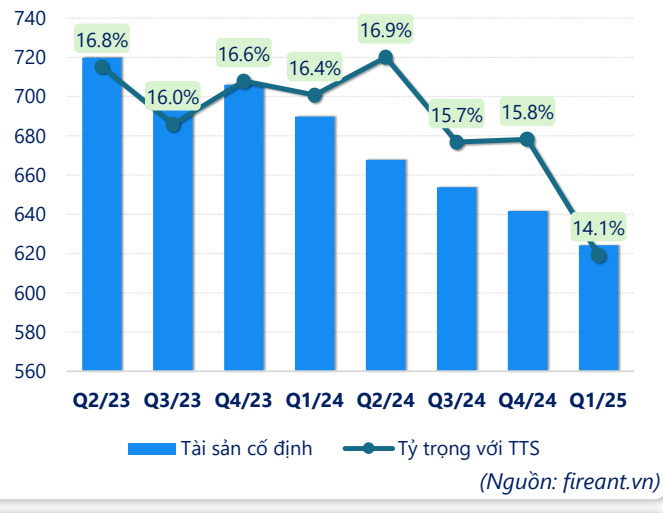
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



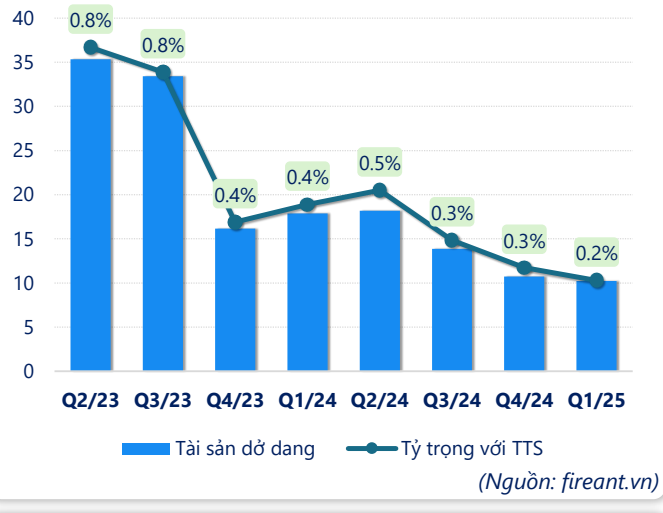
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



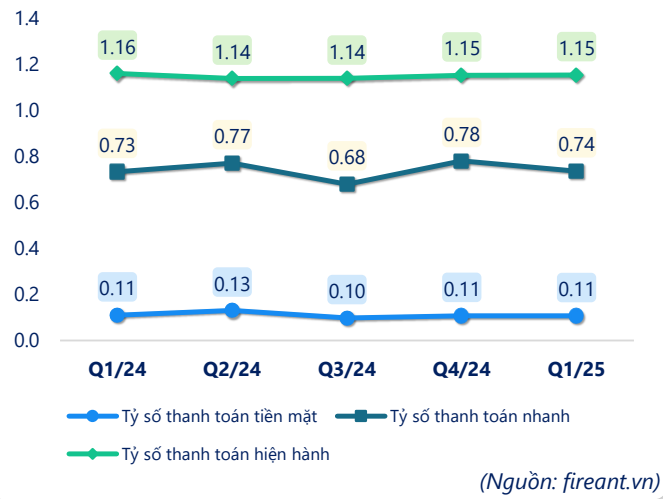
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



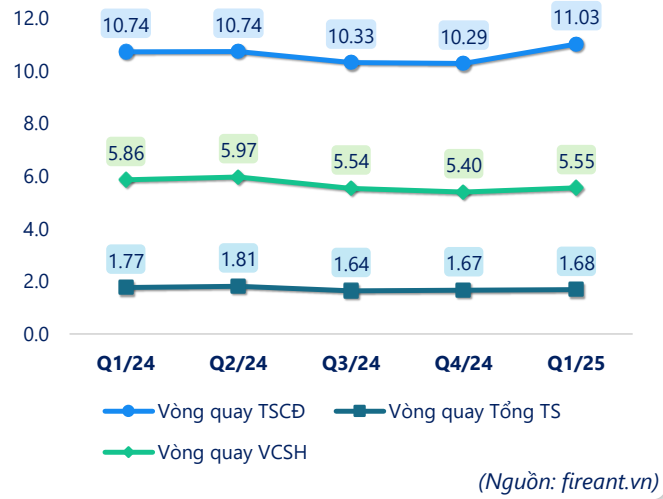
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,202**	**3,941**	**4,152**	**4,065**	**4,413**
Tài sản ngắn hạn	**3,326**	**3,077**	**3,306**	**3,225**	**3,594**
Tiền và tương đương tiền	314	353	284	301	333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	421	437	394	644	590
Phải thu ngắn hạn	1,314	1,261	1,241	1,207	1,319
Hàng tồn kho	1,224	993	1,335	1,040	1,302
Tài sản ngắn hạn khác	52.0	33.0	53.0	33.7	50.2
Tài sản dài hạn	**876**	**864**	**846**	**840**	**819**
Phải thu dài hạn	5.19	5.14	5.14	5.14	6.25
Tài sản cố định	690	668	654	642	624
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.9	18.2	13.9	10.7	10.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	164	173	173	183	179
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,874**	**2,714**	**2,918**	**2,816**	**3,132**
Nợ ngắn hạn	**2,866**	**2,702**	**2,902**	**2,798**	**3,114**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,076	2,032	1,865	1,719	2,149
Phải trả người bán ngắn hạn	712	552	923	934	810
Nợ dài hạn	8.38	12.9	15.9	17.8	17.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,329**	**1,226**	**1,234**	**1,250**	**1,281**
Vốn chủ sở hữu	**1,329**	**1,226**	**1,234**	**1,250**	**1,281**
Vốn điều lệ	808	808	808	808	808
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)